

**THÔNG BÁO**  
**XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH TRONG NƯỚC NĂM 2018- ĐỢT 2**  
(Địa chỉ trang web: <https://sdh.hcmus.edu.vn/>)

**1. DANH MỤC CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: (phụ lục 1)**

**2. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN:**

Người dự xét tuyển nghiên cứu sinh (dưới đây gọi là người dự tuyển) cần thỏa các điều kiện sau

**2.1. Điều kiện văn bằng:** thỏa 1 trong các điều kiện văn bằng sau

- a. Có bằng thạc sĩ (thuộc phương thức có thực hiện luận văn) hoặc tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 điểm trở lên (thang điểm 10) **đúng ngành hay ngành phù hợp** với ngành đăng ký dự tuyển
- b. Có bằng thạc sĩ ngành **gần** với ngành dự tuyển và phải học bổ sung kiến thức. Trường hợp này người dự tuyển phải được xét môn học BTKT trước khi dự tuyển- **phụ lục 2**
- c. Có bằng thạc sĩ (thuộc phương thức không thực hiện luận văn) hoặc tốt nghiệp đại học chính quy loại khá có điểm trung bình tích lũy từ 7.5 điểm trở lên (thang điểm 10) **đúng ngành hay ngành phù hợp** với ngành đăng ký dự tuyển.

**Ghi chú:** Người có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải có giấy chứng nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng- Bộ GDĐT.

**2.2. Bài báo khoa học**

- a. Người dự tuyển thuộc đối tượng 2.1.a và 2.1.b nêu trên phải có ít nhất 1 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. (danh mục tạp chí đính kèm)
- b. Người dự tuyển thuộc đối tượng 2.1.c nêu trên phải có ít nhất 01 công bố khoa học chuyên ngành thuộc danh mục được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước qui định và có ít nhất 1 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. (danh mục tạp chí đính kèm).

**2.3. Cán bộ hướng dẫn (CBHD):**

- Mỗi NCS có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó có ít nhất 01 người hướng dẫn là giảng viên cơ hữu của trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
- Người hướng dẫn phải có tên trong danh sách tại phụ lục 3. Trường hợp chưa có tên tại phụ lục 3, CBHD cần liên hệ bộ môn phụ trách ngành để cập nhật thông tin người hướng dẫn.

**2.4. Bài luận về hướng nghiên cứu: (báo cáo phỏng vấn)**

- Bài luận phải được viết và báo cáo bằng tiếng Việt và theo hướng dẫn tại **phụ lục 4**
- Người dự tuyển có nguyện vọng đăng ký viết luận án tiến sĩ bằng tiếng Anh thì phải nộp đơn đăng ký tại phòng ĐT ĐH chậm nhất là trước khi báo cáo tiểu luận tổng quan và phải được CSĐT chấp thuận.

**2.5. Thư giới thiệu:** Có hai thư giới thiệu của hai giảng viên hoặc nghiên cứu viên (chỉ được tối đa 1 thư từ CBHD) có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học hoặc học vị tiến sĩ đang công tác tại các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, các Viện có cùng ngành với người dự tuyển.

**2.6. Thâm niên công tác:** không bắt buộc.

**2.7.** Có giấy xác nhận của địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật. (xác nhận vào mẫu sơ yếu lý lịch trong hồ sơ dự tuyển)

**2.8.** Phải có đủ trình độ ngoại ngữ như qui định tại mục 3.1 thông báo này

**2.9.** Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời hạn qui định

### **3. TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN:**

**3.1. Môn Ngoại ngữ:** Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ như sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ngành ngôn ngữ nước ngoài (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật) do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ còn trong thời hạn 2 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển, gồm các chứng chỉ sau:

**c.1. Tiếng Anh** (các điểm số nêu dưới đây là điểm tối thiểu cần đạt được)

Loại c/c	IELTS	TOEFL iBT
Điểm	5.0	45

**c.2. Một số tiếng khác:**

tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
TRKI 2	TCF B2 DELF B2	B2 ZD	HSK level 4	JLPT- N2

- Người dự tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ **không phải tiếng Anh** thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (do tiểu ban phỏng vấn chuyên môn đánh giá)

### **3.2. Phòng vấn xét tuyển:**

- Tiểu ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp để đánh giá trình độ chuyên môn, khả năng tự nghiên cứu, học lực ở bậc đại học, thạc sĩ, .... xét duyệt hướng nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ.
- Điểm trung bình chung của tất cả thành viên Hội đồng chuyên môn phải đạt từ 7.0 trở lên.

**3.3. Bài báo khoa học:** như qui định tại mục 2.2 thông báo này

### **3.4. Đánh giá của Hội đồng tuyển sinh:**

Hội đồng tuyển sinh Sau đại học sẽ phê duyệt danh sách trúng tuyển dựa trên đề nghị của tiểu ban chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, bài báo khoa học và chỉ tiêu năm 2018- đợt 2.

## **4. HỒ SƠ DỰ TUYỂN, THỜI GIAN THI VÀ LỆ PHÍ:**

### **4.1. Phát và nhận hồ sơ dự tuyển:**

- Người dự tuyển liên hệ đăng ký hồ sơ tại phòng ĐT Sau đại học, trường ĐH Khoa học Tự nhiên từ ngày thông báo **đến 16g ngày 14/9/2018** (giờ hành chính).

- Nộp hồ sơ thi tuyển từ **ngày 3/9/2018 đến 16g ngày 21/9/2018** (giờ hành chính). Nhà trường chỉ nhận các hồ sơ đầy đủ, đúng qui định và đúng thời hạn.

❖ Đối với người dự tuyển sẽ nhận bằng tốt nghiệp thạc sĩ sau ngày 21/9/2018, **được nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp thay cho bản sao bằng thạc sĩ** khi nộp hồ sơ dự tuyển và phải nộp bổ sung bản sao bằng thạc sĩ trước ngày 30/10/2018. Sau thời hạn này nếu không bổ sung bản sao bằng tốt nghiệp thạc sĩ sẽ bị hủy kết quả xét tuyển.

❖ Đối với người dự tuyển sẽ tốt nghiệp đại học vào tháng 9/2018, được **được nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp thay cho bản sao bằng TNDH** khi nộp hồ sơ dự tuyển và phải nộp bổ sung bản sao bằng TNDH trước ngày 30/10/2018. Sau thời hạn này nếu không bổ sung bản sao bằng TNDH sẽ bị hủy kết quả xét tuyển.

**4.2. Lệ phí đăng ký dự tuyển và lệ phí xét tuyển** (nộp cùng với nộp hồ sơ dự thi):

- Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/ người dự tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/ người dự tuyển

**4.3. Lịch xét tuyển**

Ngày phỏng vấn xét tuyển: **20/10/2018 – 27/10/2018** (lịch cụ thể từng ngành sẽ thông báo vào cuối tháng 9/2018 tại trang web <https://sdh.hcmus.edu.vn/>)

**5. CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ TIẾN SĨ:**

Người dự tuyển chưa đáp ứng được các qui định về điều kiện dự tuyển có thể nộp hồ sơ đăng ký học dự bị tiến sĩ. Các môn học trong thời gian dự bị tiến sĩ sẽ được bảo lưu tối đa 24 tháng

Chương trình học dự bị tiến sĩ vui lòng xem chi tiết tại trang web: <https://sdh.hcmus.edu.vn/>

**Nơi nhận:**

- ĐHQG -HCM để báo cáo
- Các Sở, Trường ĐH, CĐ, ...
- Web trường
- Lưu VT, Phòng SDH

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**Trần Lê Quan**

**DANH MỤC NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU  
XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2018 - ĐỢT 2  
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

(\*): Chỉ tiêu có thể điều chỉnh sau khi có kết quả thi tuyển

Stt	Mã số	Ngành đào tạo	Dự kiến chỉ tiêu (*)	Ghi chú
1.	9480101	Khoa học máy tính	4	
2.	9480104	Hệ thống thông tin	3	
3.	9460102	Toán giải tích	5	
4.	9460104	Đại số và lí thuyết số	6	
5.	9460106	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	1	
6.	9460112	Toán Ứng dụng	2	
7.	9460110	Cơ sở toán cho tin học	2	
8.	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2	
9.	9440110	Quang học	4	
10.	9440111	Vật lý địa cầu	1	
11.	9440106	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	4	
12.	9440104	Vật lý chất rắn	3	
13.	9440105	Vật lý vô tuyến và điện tử	4	
14.	9440114	Hoá hữu cơ	8	
15.	9440118	Hoá phân tích	0	
16.	9440119	Hoá lý thuyết và hoá lý	24	
17.	9420116	Hoá sinh học	3	
18.	9420112	Sinh lý học thực vật	4	
19.	9420104	Sinh lý học người và động vật	3	
20.	9420107	Vi sinh vật học	4	
21.	9420120	Sinh thái học	4	
22.	9420121	Di truyền học	2	
23.	9420201	Công nghệ sinh học	5	
24.	9850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	3	
25.	9440303	Môi trường đất và nước	4	

## DANH MỤC CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH GẦN

Từ ngày 02/8/2018 – 14/9/2018 nhà trường sẽ nhận hồ sơ xét duyệt các ngành gần khác, ngoài danh mục các ngành đã nêu dưới đây. Người dự tuyển cần nộp bản sao bảng điểm thạc sĩ cho phòng ĐT Sau đại học để Hội đồng chuyên môn của trường xét duyệt.

Stt	Ngành dự thi NCS	Ngành TN Thạc sĩ	Môn học BTKT
1.	Lý thuyết xác suất & TKê toán học	Toán giải tích ứng dụng Toán giải tích	Học bổ sung khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của ctrình ThS
2.	Toán giải tích	Lý thuyết tối ưu	1/ Giải tích thực 2/ Phương trình đạo hàm riêng 3/ Giải tích số 4/ Giải tích phức
3.	Toán giải tích	Toán ứng dụng	1/ Giải tích thực 2/ Phương trình đạo hàm riêng
4.	Toán giải tích	Hình học và tôpô	Giải tích thực
5.	Toán giải tích	Lý thuyết xs và tk toán	1/ Giải tích thực 2/ Phương trình đạo hàm riêng 3/ Giải tích số 4/ Bài toán ngược 5. 02 môn tự chọn khác của ngành Toán GT
6.	Toán ứng dụng	Toán giải tích (ĐH Cần Thơ, ĐH Qui Nhơn)	Ngành phù hợp, Không BTKT
7.	Toán ứng dụng	Toán giải tích (ĐH Sư phạm)	1/ Giải tích số 2/ Quá trình ngẫu nhiên
8.	Toán ứng dụng	Lý thuyết và xác suất TK toán	1/ Phương trình đạo hàm riêng 2/ Giải tích số 3/ Quá trình ngẫu nhiên
9.	Quang học	Kỹ thuật Y tế	1/ VL Laser và quang phổ laser 2/ Quang phổ ứng dụng 3/ Kỹ thuật phân tích vật liệu rắn 4/ Vật lý tinh thể
10.	Vật lý chất rắn	Kỹ thuật điện tử-Viễn thông máy tính	1/ Vật lý tinh thể 2/ Thiết bị quang điện 3/ Một số PPNC cấu trúc tinh thể và cấu trúc vùng năng lượng của CR 4/ Công nghệ chế tạo màng mỏng 5/ Vật liệu thông minh & ứng dụng
11.	Vật lý địa cầu	Vật lý kỹ thuật	1/ Thăm dò điện 2/ Thăm dò địa chấn 3/ Phương pháp điện từ

<b>Stt</b>	<b>Ngành dự thi NCS</b>	<b>Ngành TN Thạc sĩ</b>	<b>Môn học BTKT</b>
12.	Vật lý địa cầu	Địa chất học Hải dương học Kỹ thuật dầu khí	1/ VL Địa cầu môi trường 2/ VLĐC ứng dụng
13.	Vật lý lý thuyết và VL Toán	VL Nguyên tử hạt nhân & Năng lượng cao	1/ Cơ sở VL cho VLLT 2/ Lý thuyết trường lượng tử 3/ Lý thuyết trường hấp dẫn 4/ Lý thuyết chất rắn 5/ Lý thuyết hệ nhiều hạt 6/ Môn tự chọn (3TC)
14.	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Vật lý Kỹ thuật	Ngành phù hợp, Không BTKT
15.	Công nghệ sinh học	Di truyền học Vi sinh vật học	Ngành phù hợp, Không BTKT
16.	Công nghệ sinh học	Sinh học thực nghiệm (ĐH Đà Lạt)	1/ Tín hiệu và sự giao tiếp thực vật 2/ Những vấn đề hiện đại trong CNSH 3/ Phương pháp NCKH 4/ Kỹ thuật di truyền biến dưỡng thực vật
17.	Công nghệ sinh học	SHTN-Sinh lý động vật	1/ Sinh học phân tử tế bào 2/ Những vấn đề hiện đại trong CNSH 3/ Sinh học phân tử trong lĩnh vực sức khỏe
18.	Công nghệ sinh học	Kỹ thuật môi trường (AIT Thái Lan) Sinh lý thực vật	BTKT toàn bộ khung chương trình CH ngành CNSH (PT2)
19.	Công nghệ sinh học	Dược học-Dược lý và Dược lâm sàng Chấn thương chỉnh hình	1/ Sinh học phân tử tế bào 2/ Miễn dịch học phân tử và tế bào nâng cao 3/ Các vấn đề hiện đại trong CNSH 4/ Công nghệ Y sinh học tái tạo 5/ Sinh học ung thư
20.	Công nghệ sinh học	Thực vật học	1/ PP luận NCKH 2/ Sinh học phân tử tế bào 3/ Miễn dịch học phân tử & TB nâng cao 4/ Các vấn đề hiện đại trong CNSH
21.	Di truyền học	Y khoa	Sinh học phân tử đại cương
22.	Vi sinh vật học	Sinh học thực nghiệm	1/ Phương pháp NCKH 2/ Sinh học tế bào 3/ Sinh học phân tử Eukaryote 4/ Di truyền học vi sinh vật 5/ Biến dưỡng năng lượng và vật chất ở vi sinh vật 6/ Thực tập chuyên ngành vi sinh
23.	Vi sinh vật học	Sinh lý động vật	Học bổ sung khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của ctrình ThS

Stt	Ngành dự thi NCS	Ngành TN Thạc sĩ	Môn học BTKT
24.	Hoá sinh học	Sinh lý thực vật Sinh thái môi trường	1/ Động học enzym 2/ Proteomics 3/ Kỹ thuật sinh hoá 4/ Công nghệ sinh hoá học
25.	Hoá sinh học	Công nghệ thực phẩm & đồ uống	1/ Proteomics 2/ Động học enzyme
26.	Hoá sinh học	Dược lý-Dược lâm sàng	1/ Kỹ thuật sinh hoá 2/ Sinh học tế bào 3/ Động học enzyme 4/ Công nghệ sinh hoá học 5/ Proteomics
27.	Hoá sinh học	Y học cổ truyền	1/ PP luận NCKH 2/ Động học enzym 3/ Sinh hoá của sự điều hoà & truyền tín hiệu 4/ Kỹ thuật sinh hoá 5/ Công nghệ sinh hoá học 6/ Sinh học tế bào
28.	Sinh lý học người và động vật	Vi sinh vật học	1/ Nội tiết học 2/ Sinh lý dinh dưỡng 3/ Sinh lý sinh hoá các quá trình trong cơ thể
29.	Sinh thái học	Kỹ thuật môi trường	1/ Sinh học bảo tồn 2/ Hệ sinh thái đất ngập nước 3/ Thực tập chuyên đề 4/ Môn tự chọn (theo khung chương trình)
30.	Sinh thái học	Thực vật học	Ngành phù hợp, Không BTKT
31.	Hoá hữu cơ	Khoa học & Công nghệ thực phẩm Công nghệ thực phẩm & đồ uống	1/ Hoá học các hợp chất tự nhiên 2/ Tổng hợp hữu cơ và hoá học xanh 3/ Các phương pháp phổ nghiệm trong hoá hữu cơ 4/ Hoá học lập thể hữu cơ chuyên sâu 5/ Cơ chế phản ứng hữu cơ
32.	Hoá hữu cơ	Công nghệ hoá học	1/ Hoá học các hợp chất thiên nhiên 2/ Tổng hợp hữu cơ và hoá học xanh 1 3/ Các phương pháp phổ nghiệm trong hoá hữu cơ 4/ Cơ chế phản ứng hữu cơ
33.	Hoá hữu cơ	Hoá phân tích	Hoá học các hợp chất thiên nhiên
34.	Hoá lý thuyết và hoá lý	Hoá phân tích	1/ Hoá học xúc tác 2/ Kỹ thuật điện hoá hiện đại 3/ chọn 1 trong 2 môn: - Thực tập điện hoá nâng cao - Hóa lượng tử ứng dụng nâng cao

<b>Stt</b>	<b>Ngành dự thi NCS</b>	<b>Ngành TN Thạc sĩ</b>	<b>Môn học BTKT</b>
35.	Hoá lý thuyết và hoá lý	Vật liệu và linh kiện nano	1. Phổ nghiệm chuyên sâu 2. Kỹ thuật điện hóa hiện đại 3. Hóa xúc tác 4. Tổng hợp và biến tính polymer
36.	Môi trường đất và nước	Hoá lý thuyết và Hoá lý	1/ Khoa học môi trường 2/ Hoá môi trường 3/ Chuyên đề kiến thức nâng cao
37.	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý đất đai Địa lý; Địa lý môi trường	1/ Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường 2/ Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường 3/ GIS và Viễn thám ứng dụng trong QLTN & MT
38.	Quản lý tài nguyên và môi trường	Địa chất học	Học bổ sung khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của trình ThS



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

:

**BÀI LUẬN BÁO CÁO PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN  
NGHIÊN CỨU SINH**

Họ tên người dự tuyển:

Hướng đề tài nghiên cứu:

Ngành dự tuyển:

Đăng ký hình thức đào tạo:

NCS đã có bằng thạc sĩ:      Tập trung 3 năm       Không tập trung 3 năm

NCS chưa có bằng thạc sĩ:      Tập trung 4 năm       Không tập trung 4 năm

Trình độ ngoại ngữ:

- Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ đã có): .....
- Ngoại ngữ khác (nếu có): .....

Người hướng dẫn chính:

Cơ quan công tác:

Người hướng dẫn phụ (nếu có):

Cơ quan công tác:

## **YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI LUẬN BÁO CÁO PHÔNG VẤN XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH**

- Bài luận báo cáo được trình bày 1 mặt trên khổ giấy A4, cỡ chữ 13, Times New Roman; Canh lề trên, dưới, phải trái 2.5 cm;
- Bài luận phỏng vấn và bản sao công trình khoa học được **đóng bìa theo mẫu phụ lục 4a** (không được đóng gáy xoắn)
- Người dự tuyển trình bày báo cáo bằng power-point.
- Bài luận phỏng vấn gồm những nội dung chính sau đây:

### **I. Phần 1: Kinh nghiệm chuyên môn và kế hoạch học tập: (dài 3 - 4 trang)**

1. Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu.
2. Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh.
3. Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự tuyển).
4. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn.
5. Kinh nghiệm của người dự tuyển: về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác; kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề dự định nghiên cứu, phản ánh sự khác biệt của cá nhân người dự tuyển trong quá trình học tập trước đây và những kinh nghiệm đã có. Lý giải về những khiếm khuyết hay thiếu sót (nếu có) trong hồ sơ như kết quả học đại học, thạc sĩ chưa cao...
6. Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp.

### **II. Phần 2: Giới thiệu khái quát đề tài/ hướng nghiên cứu luận án tiến sĩ (dài 4 - 5 trang)**

1. Tên đề tài/ hướng đề tài nghiên cứu
2. Mục tiêu nghiên cứu của luận án
3. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài/ hướng nghiên cứu
4. Tóm tắt nội dung nghiên cứu luận án
5. Nơi thực hiện đề tài nghiên cứu của luận án

### **III. Phần 3. Danh mục các bài báo khoa học đã công bố : kèm bản sao bài báo**

(Liệt kê danh mục bài báo theo năm đăng và ghi rõ thông tin từng bài: *Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, ..*)

# GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC TIẾN SĨ

## 1. Thời gian đào tạo:

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ cùng ngành là 03 năm; đối với người chỉ có bằng đại học cùng ngành là 04 năm.
- Khóa tuyển năm 2018 sẽ bắt đầu nhập học từ tháng 12/2018

## 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ:

### 2.1. Kiến thức chung:

- Môn Triết:** NCS tốt nghiệp thạc sĩ ở nước ngoài và NCS chưa có bằng thạc sĩ phải học môn Triết, chương trình dành cho học viên SĐH (3 tín chỉ). NCS đã tốt nghiệp thạc sĩ trong nước được miễn môn Triết
- Môn Ngoại ngữ:** không xét ngoại ngữ đầu ra.

### 2.2. Kiến thức chuyên ngành

- Phần 1: Các học phần bổ sung:** là học phần gồm các môn học thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ cùng khóa dành cho các đối tượng như sau: (1) Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ (30 tín chỉ); (2) Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành học tiến sĩ; (3) Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành học tiến sĩ nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp

- Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ: (15 – 20 tín chỉ)**

- **Tiểu luận tổng quan:** 3 tín chỉ, yêu cầu NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết
  - **Các chuyên đề tiến sĩ:** 6 - 9 tín chỉ (2 - 3 chuyên đề). Yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án
  - **Học phần chuyên sâu:** 3 - 11 tín chỉ, là học phần liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành đào tạo
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học:** Trong thời gian học tập, kể từ sau khi trúng tuyển (hoặc trong thời gian dự bị tiến sĩ) đến trước khi đăng ký bảo vệ luận án tiến sĩ, NCS phải có ít nhất 02 bài báo khoa học (\*) công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án, trong đó có 01 báo cáo đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

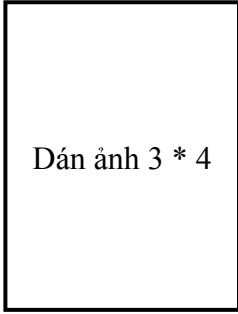
(\*) Bài báo khoa học đã công bố chỉ được công nhận khi NCS là tác giả chính (*tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc*), có ghi tên cơ sở đào tạo (trường ĐH KH Tự nhiên- ĐHQG.HCM-VN) là một trong các đơn vị chủ quản của NCS. Bài báo khoa học phải được tập thể CBHD chấp thuận thông qua trước khi tiến hành thủ tục đăng bài.

### 2.3. Luận án tiến sĩ (70 – 75 tín chỉ)

## 3. Học phí:

Dự kiến học phí: NCS đã có bằng thạc sĩ: 24.000.000 – 27.000.000đ/ năm

NCS chưa có bằng thạc sĩ: phải đóng thêm học phí học các học phần cao học theo mức thu hiện hành



Dán ảnh 3 \* 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----\*\*\*-----

## **LÝ LỊCH KHOA HỌC**

(Dùng cho người dự tuyển NCS)

### **I – LÝ LỊCH SƠ LƯỢC**

**Họ và tên** ....., **Giới tính:**.....

**Sinh ngày**...../...../..... **Nơi sinh** .....

**Cơ quan công tác hiện tại:** , .....

**Chức vụ/ nghề nghiệp hiện tại:** .....

**Địa chỉ liên lạc**.....

**Dân tộc**.....**Tôn giáo**.....

### **II – QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Đại học, Cao đẳng**

**Hệ đào tạo:** ..... **Thời gian học:** Từ.....đến.....

**Nơi học (trường, thành phố)**.....

**Ngành học**.....

**Tên đề án, luận án, hoặc các môn thi tốt nghiệp chủ yếu**.....

**Điểm trung bình tốt nghiệp:** ....., **xếp loại tốt nghiệp:** .....

**Cao học:** từ.....đến..... tại (trường, viện, nước).....

**Tên luận văn**.....

**Ngày và nơi bảo vệ**.....

**Điểm bảo vệ luận văn:** ....., **Điểm trung bình tốt nghiệp:** .....

**Người hướng dẫn**.....

#### **Trình độ ngoại ngữ:**

- Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ đã có): .....
- Ngoại ngữ khác (nếu có): .....

### **III – HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT**

#### **1. Quá trình làm việc:**

Thời gian	Công tác chuyên môn	Nơi công tác

## 2. Kết quả hoạt động khoa học – kỹ thuật:

### a. Đề tài/dự án

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm /Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

### b. Các bài báo

#### b.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF
1				
2				

#### b.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Ghi chú
1				
2				

#### b.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1				
2				

#### b.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1				
2				

**c. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ** (thời gian, hình thức khen thưởng, cơ quan quyết định)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày .....tháng.....năm 20.....

Người khai ký tên